|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày   tháng   năm 2024* |

**DỰ THẢO 2**

**NGHỊ ĐỊNH**

Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ*[*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-To-chuc-chinh-phu-va-Luat-To-chuc-chinh-quyen-dia-phuong-sua-doi-2019-411945.aspx)*ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, sản xuất muối hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh thực vật.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật gây ra tại Việt Nam.

## Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu (không phải đền bù thiệt hại).

2. Thực hiện hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giống cây, con, hiện vật. Giống cây, con, hiện vật hỗ trợ phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tế của địa phương.

3. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức và đúng đối tượng.

4. Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, cùng một thời điểm cơ sở sản xuất chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

# Chương II

# CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH THỰC VẬT

## Điều 4. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ

Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai, dịch bệnh thực vật gây ra.

## 2. Điều kiện hỗ trợ

Cơ sở sản xuất bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai, dịch bệnh thực vật được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

a) Sản xuất không trái với quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương;

b) Đã kê khai hoạt động chăn nuôi (trừ trường hợp không phải kê khai) theo quy định của pháp luật về chăn nuôi hoặc đã đăng ký, cấp phép nuôi trồng thủy sản (trừ trường hợp không phải đăng ký, cấp phép) theo quy định của pháp luật về thủy sản;

c) Đã công bố dịch bệnh (đối với trường hợp đủ điều kiện công bố dịch bệnh theo quy định của pháp luật chuyên ngành) hoặc có văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành xác định mắc dịch bệnh thực vật;

d) Đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, dịch bệnh thực vật theo hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

## Điều 5. Mức hỗ trợ bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật

1. Mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật

a) Diện tích lúa:

- Sau gieo trồng từ 1 đến 10 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

- Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70% diện tích, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;

- Sau gieo trồng trên 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích mạ: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

c) Cây hàng năm khác:

- Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30%-70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

- Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3-2/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30%-70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;

- Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30%-70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

d) Cây trồng lâu năm:

- Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

- Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30%-70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

- Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường sau 1 năm; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30%-70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

- Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

2. Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30%-70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30%-70%, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

c) Vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30%-70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30%-70%, hỗ trợ 25.000.000 đồng/ha.

3. Mức hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bị thiệt hại do thiên tai

a) Thủy sản giống hỗ trợ 20.000.000 đồng/100 m3 bể.

b) Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp) hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

c) Diện tích nuôi tôm sú thâm canh, bán thâm canh hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

đ) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

e) Diện tích nuôi cá tra thâm canh hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha.

g) Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

h) Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha.

i) Diện tích nuôi nhuyễn thể hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

k) Lồng, bè nuôi thủy sản nước ngọt hỗ trợ 10.000.000 đồng/100m3 lồng.

l) Lồng, bè nuôi hải sản hỗ trợ 20.000.000 đồng/100m3 lồng.

4. Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai

a) Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 15.000 - 30.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 31.000 - 45.000 đồng/con.

b) Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 500.000 - 600.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 610.000 - 1.500.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con.

c) Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 2.000.000 - 4.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 4.100.000 - 12.000.000 đồng/con.

d) Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 1.500.000 - 3.000.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 3.100.000 - 7.000.000 đồng/con.

đ) Hươu, sao, cừu, dê: Hỗ trợ 1.000.000 - 2.500.000 đồng/con.

5. Mức hỗ trợ đối với sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai

a) Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% hỗ trợ 3.000.000 đồng /ha.

b) Diện tích sản xuất muối bị thiệt tại từ 30% – 70% hỗ trợ 2.500.000 đồng/ha.

6. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

7. Đối với cơ sở sản xuất bị thiệt hại dưới 1,5 triệu đồng thì không xem xét hỗ trợ.

## Điều 6. Trình tự, thủ tục hỗ trợ thiệt hại

1. Cơ sở sản xuất nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi sản xuất (sau đây gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp xã) theo một trong các hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị hỗ trợ theo từng loại hình cơ sở sản xuất theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 05 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Thời gian nộp hồ sơ

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thiên tai, dịch bệnh thực vật, cơ sở sản xuất nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp do nguyên nhân khách quan không thể thực hiện theo điểm a khoản này, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thì cơ sở sản xuất nộp hồ sơ trong thời hạn không quá 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh thực vật.

4. Tiếp nhận hồ sơ

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, kiểm tra và trả lời ngay về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ cho chủ cơ sở sản xuất.

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho chủ cơ sở sản xuất bằng văn bản để hoàn thiện.

c) Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ cho chủ cơ sở sản xuất.

d) Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính là bản chính. Hồ sơ nộp trực tuyến thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

5. Thẩm định hồ sơ và niêm yết kết quả thẩm định

a) Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ. Tổ thẩm định có ít nhất 05 người do đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã làm tổ trưởng.

b) Hằng quý, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định ít nhất một lần đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ được tiếp nhận trong quý đó. Thời gian thẩm định không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp kéo dài thời gian thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân và thời gian kéo dài thêm không quá 01 lần thẩm định.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai đề xuất hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật theo Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và trụ sở nhà văn hóa thôn, ấp, bản, tổ dân phố nơi có cơ sở sản xuất đề nghị hỗ trợ; đồng thời thông tin trên các phương tiện truyền thông của xã trong thời hạn 10 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết công khai đề xuất hỗ trợ.

Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản cho cơ sở sản xuất không đủ điều kiện hỗ trợ và nêu rõ lý do.

Trường hợp có kiến nghị, phản ánh, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện). Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 11 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; đề xuất hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật theo Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật theo Mẫu số 12 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp vượt quá khả năng bố trí kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, bố trí kinh phí bổ sung.

7. Đối với những tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc diện được hỗ trợ từ ngân sách trung ương để thực hiện hỗ trợ kinh phí cho cơ sở sản xuất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở kết quả thực hiện chi của các địa phương (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước) theo quy định. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan thẩm định hồ sơ, bố trí ngân sách từ các nguồn tài chính hợp pháp để bổ sung cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện hỗ trợ kinh phí cho cơ sở sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật theo quy định tại Nghị định này.

## Điều 7. Nguồn lực, cơ chế hỗ trợ

1. Nguồn lực hỗ trợ

a) Ngân sách trung ương.

b) Ngân sách địa phương.

c) Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ chế hỗ trợ kinh phí

a) Các địa phương nhận bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương: ngân sách trung ương hỗ trợ 80% mức ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

b) Các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ 20% trở xuống: ngân sách trung ương hỗ trợ 70% mức ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

c) Các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ trên 20% đến 60%: ngân sách trung ương hỗ trợ 50% mức ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

d) Các địa phương còn lại do ngân sách địa phương đảm bảo.

3. Các quy định khác

a) Các địa phương huy động thêm tối đa 70% Quỹ dự trữ tài chính của địa phương để hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật.

b) Trường hợp các địa phương có mức độ thiệt hại lớn, nếu phần ngân sách địa phương đảm bảo vượt quá nguồn lực của địa phương gồm: 50% nguồn dự phòng ngân sách địa phương (bao gồm cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã) và 70% Quỹ dự trữ tài chính địa phương thì ngân sách trung ương sẽ bổ sung thêm phần chênh lệch vượt quá nguồn lực của địa phương để các tỉnh, thành phố có dự nguồn để thực hiện.

c) Ngân sách địa phương đảm bảo cho phần tăng thêm ngoài quy định tại Điều 5 Nghị định này.

d) Trường hợp kinh phí hỗ trợ thiệt hại tại Điều 5 Nghị định này trong năm dưới 01 tỷ đồng/năm: Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện.

đ) Việc huy động, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn tài chính hợp pháp khác thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

## CHƯƠNG III

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## Điều 8. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan đôn đốc, kiểm tra giám sát và xử lý những vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính

a) Căn cứ quy định tại Nghị định này và báo cáo kết quả thực hiện chi của các địa phương (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước), Bộ Tài chính quyết định hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương cho từng địa phương và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

b) Trường hợp thiên tai, dịch bệnh thực vật xảy ra trên phạm vi lớn, ngân sách địa phương không đủ nguồn lực để thực hiện, căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tài chính quyết định bổ sung cho ngân sách địa phương bằng 70% mức dự kiến ngân sách trung ương hỗ trợ để kịp thời thực hiện chính sách. Sau khi địa phương có báo cáo kết quả thực chi ngân sách hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước), Bộ Tài chính bổ sung phần kinh phí hỗ trợ còn thiếu hoặc thu hồi kinh phí đã bổ sung còn dư trên cơ sở thực tế hỗ trợ các đối tượng theo quy định.

3. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội, cơ quan liên quan tổ chức giám sát việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Chỉ đạo tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật gây ra, chủ động thực hiện công tác hỗ trợ từ nguồn ngân sách của địa phương, các nguồn lực hợp pháp khác để kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh thực vật để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật; tổng hợp báo cáo, đề xuất nhu cầu hỗ trợ gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện việc hỗ trợ trực tiếp đến các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật đảm bảo đúng nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định này.

3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc điểm sản xuất và thực tế tại địa phương, quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật về ngân sách Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Mức hỗ trợ đối với cây trồng, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản và muối khác chưa được quy định tại Điều 5 Nghị định này.

b) Mức hỗ trợ phù hợp đối với cây trồng, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản và muối quy định tại Điều 5 Nghị định này nhưng mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 1,5 lần mức quy định tại Nghị định này.

c) Sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này và phần chênh lệch vượt quá mức quy định tại Điều 5 Nghị định này.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện công khai chính sách và mức hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại thôn, xã, bảo đảm hỗ trợ trực tiếp đến cơ sở sản xuất có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối bị thiệt hại theo quy định.

5. Xác định thời điểm kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh thực vật trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành. Kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh thực vật hoặc cuối năm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính kết quả thực hiện để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản suất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật thuộc thẩm quyền quản lý.

**Điều 10. Trách nhiệm của các đối tượng thụ hưởng từ ngân sách nhà nước**

1. Cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực về thông tin, số liệu thiệt hại đề nghị hỗ trợ.

**Điều 11. Quy định chuyển tiếp**

Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ thiệt hại thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

**Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024 và thay thế Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, NN. | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG     Phạm Minh Chính** |

**Phụ lục**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ; MẪU TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ; MẪU VĂN BẢN VÀ QUYẾT ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH HỖ TRỢ CƠ SỞ SẢN XUẤT BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH THỰC VẬT**

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu 01 | Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh thực vật đối với cơ sở sản xuất cây trồng |
| Mẫu 02 | Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh thực vật đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp |
| Mẫu 03 | Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai đối với cơ sở sản xuất thủy sản |
| Mẫu 04 | Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai đối với cơ sở sản xuất vật nuôi |
| Mẫu 05 | Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai đối với cơ sở sản xuất muối |
| Mẫu 06 | Tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật |
| Mẫu 07 | Tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật |
| Mẫu 08 | Tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ đối với sản xuất thủy sản bị thiệt hại do thiên tai |
| Mẫu 09 | Tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại do tthiên tai |
| Mẫu 10 | Tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ đối với sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai |
| Mẫu 11 | Văn bản đề nghị hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật |
| Mẫu 12 | Quyết định về việc hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật |

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh thực vật đối với cơ sở sản xuất cây trồng**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn …... |

Tôi tên là: ……………………Số Căn cước : …………………Ngày cấp:….……….

Địa chỉ thường trú:………………………………………………………………………

Điện thoại: :………………………………………………………………………………

Tên cơ sở sản xuất (nếu có): ……………………………………………………………

Địa điểm sản xuất: ………………………………………………………………………

Kê khai diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh thực vật như sau:

Thời điểm xảy ra thiên tai/dịch bệnh:……………………………………………………

1. Đối tượng thiệt hại 1:…………………………………………………………………

- Thời điểm gieo trồng:…………………………………………………………………

- Vị trí đất gieo trồng:……………………………………………………………………

- Diện tích thiệt hại:.…(ha); thiệt hại trên 70%:…..(ha); thiệt hại từ 30-70%: …….(ha)

2. Đối tượng thiệt hại 2:…………………………………………………………………

- Thời điểm gieo trồng:…………………………………………………………………

- Vị trí đất gieo trồng:……………………………………………………………………

- Diện tích thiệt hại:……(ha); thiệt hại trên 70%:….…(ha); thiệt hại từ 30-70%: ….(ha).

3. Tổng kinh phí thiệt hại ước tính:………………… triệu đồng

4. Hồ sơ kèm theo (nếu có)

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)........…..xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên

Tôi xin cam kết các nội dung trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………,ngày ….. tháng ….. năm ………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu (nếu có))* |

**Mẫu số 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh thực vật đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn …... |

Tôi tên là: ……………………Số Căn cước :…………………Ngày cấp:….……...

Địa chỉ thường trú:……………………………………………………………………….

Điện thoại: :………………………………………………………………………………

Tên cơ sở sản xuất (nếu có): …………………………………………………………….

Địa điểm sản xuất : ………………………………………………………………………

Kê khai diện tích cây lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh thực vật như sau:

Thời điểm xảy ra thiên tai/dịch bệnh:……………………………………………………

1. Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác

- Đối tượng trồng:……………………………; Tuổi rưng:…………….………………

- Thời điểm trồng:………………………………………………………………………

- Vị trí trồng rừng:………………………………………………………………………

- Diện tích thiệt hại:.…(ha); thiệt hại trên 70%:….(ha); thiệt hại từ 30-70%: …….(ha)

2. Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác

- Thời điểm trồng:………………………………………………………………………

- Vị trí trồng:……………………………………………………………………………

- Diện tích bị thiệt hại:…(ha); thiệt hại trên 70%:……(ha); thiệt hại từ 30-70%:.....(ha)

3. Đối với vườn giống, rừng giống

- Thời điểm ươm giống:…………………………………………………………………

- Vị trí ươm giống:……………………………………………………………………..

- Diện tích bị thiệt hại:……(ha); thiệt hại trên 70%:.….(ha); thiệt hại từ 30-70%: ….(ha)

4. Đối với cây giống ươm trong giai đoạn vườn ươm

- Thời điểm trồng:……………………………………………………………………..

- Vị trí trồng:……………………………………………………………………………

- Loại rừng giống:………………………………………………………………………

- Diện tích bị thiệt hại:……(ha); thiệt hại trên 70%:.….(ha); thiệt hại từ 30-70%: ….(ha)

5. Tổng kinh phí thiệt hại ước tính:………….. triệu đồng

6. Hồ sơ kèm theo (nếu có)

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)......…..xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên.

Tôi xin cam kết các nội dung trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………,ngày ….. tháng ….. năm ………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu (nếu có))* |

**Mẫu số 03**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại do thiên tai đối với cơ sở sản xuất thủy sản**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn …... |

Tôi tên là: ………………………Số Căn cước :…………………Ngày cấp:….………..

Địa chỉ thường trú:………………………………………………………………………

Điện thoại: :………………………………………………………………………………

Tên cơ sở sản xuất (nếu có): ……………………………………………………………

Địa điểm sản xuất : ………………………………………………………………………

Kê khai diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do thiên tai như sau:

Thời điểm xảy ra thiên tai:………………………………………………………………

1. Địa chỉ khu vực nuôi:……………………..; mã số cơ sở (nếu có):…………………

2. Loại thủy sản nuôi:……………………………………………………………………

3. Hình thức nuôi:………………………………………………………………………

4. Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản: ………………..ha hoặc.................... m3 (ao/ bể hoặc lồng/ bè).

5. Thời điểm thả giống: …………………………………………………………………

6. Số lượng giống thả nuôi:………………… con, nguồn gốc giống: ……………………

7. Số lượng bị thiệt hại:……………………ha hoặc ……………………m3 (ao/ bể hoặc lồng/ bè).

8. Tổng kinh phí thiệt hại ước tính :…………………..…triệu đồng

9. Hồ sơ kèm theo (nếu có)

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn).......…..xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên.

Tôi xin cam kết các nội dung trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………,ngày ….. tháng ….. năm………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu (nếu có))* |

**Mẫu số 04**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại do thiên tai đối với cơ sở sản xuất vật nuôi**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn …... |

Tôi tên là:………………………Số Căn cước :…………………Ngày cấp:….………...

Địa chỉ thường trú:………………………………………………………………………

Điện thoại: :………………………………………………………………………………

Tên cơ sở sản xuất (nếu có): ……………………………………………………………

Địa điểm sản xuất : ………………………………………………………………………

Kê khai số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai như sau:

Thời điểm xảy ra thiên tai:………………………………………………………………

1. Đối tượng nuôi 1:……………………..; Tuổi vật nuôi…………………...ngày tuổi.

Số lượng nuôi:…………………………con

2. Đối tượng nuôi 2:……………………..; Tuổi vật nuôi…………………...ngày tuổi.

Số lượng nuôi:…………………………con

3. Đối tượng nuôi 3:……………………..; Tuổi vật nuôi…………………...ngày tuổi.

Số lượng nuôi:…………………………con

4. Đối tượng nuôi 4:……………………..; Tuổi vật nuôi…………………...ngày tuổi.

Số lượng nuôi:…………………………con

5. Tổng kinh phí thiệt hại ước tính:…………………..triệu đồng

6. Hồ sơ kèm theo (nếu có)

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn).......…..xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên.

Tôi xin cam kết các nội dung trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………,ngày ….. tháng ….. năm ………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu (nếu có))* |

**Mẫu số 05**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại do thiên tai đối với cơ sở sản xuất muối**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn …... |

Tôi tên là: ………………………Số Căn cước :…………………Ngày cấp:….………..

Địa chỉ thường trú:………………………………………………………………………

Điện thoại: :………………………………………………………………………………

Tên cơ sở sản xuất (nếu có): ……………………………………………………………..

Địa điểm sản xuất : ………………………………………………………………………

Kê khai diện tích sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai như sau:

Thời điểm xảy ra thiên tai:………………………………………………………………..

1. Diện tích sản xuất muối……………………………………………………………..ha

2. Vị trí sản xuất muối:………………………………………………………………….

3. Thời điểm bắt đầu sản xuất muối:……………………………………………………

4. Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại:………………………………………………..ha

Thiệt hại từ 30-70%:…………………………………………………………………...ha

Thiệt hại trên 70%:………………………………………………………………….…ha

5. Kinh phí thiệt hại ước tính:….……………………………….triệu đồng

6. Hồ sơ kèm theo (nếu có):

…………………………………………………………………………………………...

…………………………………………………………………………………………...

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn).......…..xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên.

Tôi xin cam kết các nội dung trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………,ngày ….. tháng ….. năm………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu (nếu có))* |

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………. Mẫu số 06**

**TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG**

**BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH THỰC VẬT**

(Từ ngày.... tháng.... năm ……. đến ngày ….. tháng.... năm....)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | | | **Số quyết định hỗ trợ** | |
| Tổng giá trị thiệt hại | **Thiệt hại trên 70%** | | | | | | | | | | **Thiệt hại từ 30%-70%** | | | | | | | | | | Tổng NSNN hỗ trợ | | NSTW hỗ trợ | | NSĐP đảm bảo | |
| Diện tích lúa (từ  1-10 ngày) | Diện tích lúa (từ  10-45 ngày) | Diện tích lúa (trên 45 ngày) | Diện tích mạ | Cây hàng năm khác | Vườn cây thời kỳ kiến thiến cơ bản | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh | Vườn cây thời kỳ KD thiệt hại đến năng suất nhưng k chế | Vườn cây thời kỳ KD thiệt hại làm cây chết hoặc không phục hồi | Cây giống trong giai đoạn vườn ươm | Diện tích lúa (từ  1-10 ngày) | Diện tích lúa (từ  10-45 ngày) | Diện tích lúa (trên 45 ngày) | Diện tích mạ | Cây hàng năm khác | Vườn cây thời kỳ kiến thiến cơ bản | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh | Vườn cây thời kỳ KD thiệt hại đến năng suất nhưng k chế | Vườn cây thời kỳ KD thiệt hại làm cây chết hoặc không phục hồi | Cây giống trong giai đoạn vườn ươm | |  |  | |  |  | |
|  |  | Tr.đồng | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha |  |  | | Tr.đồng | | Tr.đồng | Tr.đồng |  | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | | (24) | | (25) | (26) | (27) | |
| **I** | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |  |  | |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |  |  | |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |  |  | |
| **II** | **CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |  |  | |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |  |  | |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |  |  | |

**Ghi chú:** *UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

*(25), (26): Chỉ áp dụng đối với bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh; bảng tổng hợp của UBND cấp huyện, cấp xã thì để trống.*

*(27): Ghi số quyết định hỗ trợ đối với bảng tổng hợp của UBND cấp huyện; bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh thì để trống.*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

*….., ngày ….. tháng ….. năm …..*

**XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC[[1]](#footnote-1) TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH** (Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN …………….. Mẫu số 07**

**TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP**

**BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH THỰC VẬT**

(Từ ngày.... tháng.... năm ……. đến ngày ….. tháng.... năm....)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | | | **Số quyết định hỗ trợ** | |
| Tổng giá trị thiệt hại | **Thiệt hại trên 70%** | | | | | **Thiệt hại từ 30%-70%** | | | | | Tổng NSNN hỗ trợ | | NSTW hỗ trợ | | NSĐP đảm bảo | |
| Diện tích  cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ mới trồng ½ chu kỳ khai thác | Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp trên ½ chu kỳ khai thác | Vườn giốn, rừng giống | Diện tích cây giống ươm trong gđ vườn ươm | Diện tích  cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ mới trồng ½ chu kỳ khai thác | | Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp trên ½ chu kỳ khai thác | Vườn giốn, rừng giống | Diện tích cây giống ươm trong gđ vườn ươm |  | |  | |  | |  | |
| Tr. đồng | ha | ha | ha | ha | ha | | ha | ha | ha | Tr. đồng | | Tr. đồng | | Tr. đồng | |  | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | | (9) | (10) | (11) | (12) | | (13) | | (14) | | (15) | |
| **I** | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| **II** | **CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG** |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  | |  | |  | |

**Ghi chú:** *UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

*(13), (14): Chỉ áp dụng đối với bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh; bảng tổng hợp của UBND cấp huyện, cấp xã thì để trống.*

*(15): Ghi số quyết định hỗ trợ đối với bảng tổng hợp của UBND cấp huyện; bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh thì để trống.*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

*….., ngày ….. tháng ….. năm …..*

**XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC[[2]](#footnote-2) TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH** (Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………….. Mẫu số 08**

**TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THỦY SẢN**

**BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI**

(Từ ngày…..tháng…..năm…… đến ngày…..tháng…..năm……)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | **Số quyết định hỗ trợ** |
| Tổng NSNN hỗ trợ | NSTW hỗ trợ | NSĐP đảm bảo |
| Tổng giá trị thiệt hại | Thủy sản giống | Tôm quảng canh | Tôm sú thâm canh, bán thâm canh | Tôm thẻ thâm canh, bán thâm canh | Cá truyền thống, cá bản địa | Cá tra thâm canh | Cá rô phi thâm canh | Cá nước lạnh thâm canh | Nhuyễn thể | Lồng, bè nuôi thủy sản nước ngọt | Lồng, bè nuôi hải sản | Loài thủy sản khác (địa phương tự xác định) | Ghi chú |
| Triệu đồng | m3 | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | ha | m3 | m3 |  |  | Triệu đồng | Triệu đồng | Triệu đồng |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) |
| **I** | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:****UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

*(18), (19): Chỉ áp dụng đối với bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh; bảng tổng hợp của UBND cấp huyện, cấp xã thì để trống.*

*(20): Ghi số quyết định tiêu hủy đối với bảng tổng hợp của UBND cấp xã; ghi số quyết định hỗ trợ đối với bảng tổng hợp của UBND cấp huyện; bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh thì để trống.*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC[[3]](#footnote-3)** | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  (Ký tên đóng dấu) |

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………….. Mẫu số 09**

**TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT**

**BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI**

(Từ ngày…..tháng…..năm…… đến ngày…..tháng…..năm……)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | **Số quyết định hỗ trợ** |
| Tổng giá trị thiệt hại | Gia cầm (Gà, vịt, ngan, ngỗng)  28 ngày tuổi | Gia cầm (Gà, vịt, ngan, ngỗng) trên  28 ngày tuổi | Lợn đến 28 ngày tuổi | Lợn trên 28 ngày tuổi | Lợn nái, lợn đực đang khai thác | Bê cái hướng sữa  (6 tháng tuổi) | Bê cái hướng sữa  (trên 6 tháng tuổi) | Hươu, cừu, dê | Tổng NSNN hỗ trợ | NSTW hỗ trợ | NSĐP đảm bảo |
| Tr. đồng | con | con | con | con | con | con | con |  | Tr. đồng | Tr. đồng | Tr. đồng |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| **I** | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:****UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

*(13), (14): Chỉ áp dụng đối với bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh; bảng tổng hợp của UBND cấp huyện, cấp xã thì để trống.*

*(15): Ghi số quyết định tiêu hủy đối với bảng tổng hợp của UBND cấp xã; ghi số quyết định hỗ trợ đối với bảng tổng hợp của UBND cấp huyện; bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh thì để trống.*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC[[4]](#footnote-4)** | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**(Ký tên đóng dấu) |

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………….. Mẫu số 10**

**TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT MUỐI**

**BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI**

(Từ ngày…..tháng…..năm…… đến ngày…..tháng…..năm……)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG THIỆT HẠI** | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | **Số quyết định hỗ trợ** |
| Tổng giá trị  thiệt hại | Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% | Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại  từ 30%- 70% | Tổng NSNN hỗ trợ | NSTW hỗ trợ | NSĐP đảm bảo |
| Tr. đồng | Ha | ha | Tr. đồng | Tr. đồng | Tr. đồng |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| **I** | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG** |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:****UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

*(7), (8): Chỉ áp dụng đối với bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh; bảng tổng hợp của UBND cấp huyện, cấp xã thì để trống.*

*(9): Ghi số quyết định tiêu hủy đối với bảng tổng hợp của UBND cấp xã; ghi số quyết định hỗ trợ đối với bảng tổng hợp của UBND cấp huyện; bảng tổng hợp của UBND cấp tỉnh thì để trống.*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC[[5]](#footnote-5)** | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**(Ký tên đóng dấu) |

**Mẫu số 11**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN ….** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:......................... |  | *……., ngày … tháng ..… năm .....* |
| V/v hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật |  |  |

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố…..

*Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ - CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật;*

*Căn cứ đơn đề nghị hỗ trợ và hồ sơ kèm theo (nếu có) của các cơ sở sản xuất…….*

Sau khi thẩm định Hồ sơ của các cơ sở sản xuất…. bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh thực vật gây ra, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn… đề nghị UBND huyện/quận/thị xã/thành phố… xem xét, giải quyết hỗ trợ theo quy định cho cơ sở sản xuất trong danh sách kèm theo.

Hồ sơ gồm có:

………………………………………………………………………………………...

………………………………………………………………………………………...

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố ……………….. xem xét, hỗ trợ theo đề nghị nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - …..;  - Lưu: ........ | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH….**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
|  | |

**Mẫu số 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ…..** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBND | *…, ngày…. tháng … năm…* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh thực vật**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ…..**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ*[*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-To-chuc-chinh-phu-va-Luat-To-chuc-chinh-quyen-dia-phuong-sua-doi-2019-411945.aspx)*ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ - CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn/huyện…... tại văn bản số….*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn huyện/quận/thị xã/thành phố…. theo danh sách tại Phụ lục gửi kèm.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố … và các cơ sở sản xuất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như Điều 3; * UBND cấp tỉnh (để b/c); * …; * Lưu: VT, … . |  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  *(Ký tên đóng dấu)* |

1. Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng mẫu này để tổng hợp, báo cáo kết quả gửi Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. [↑](#footnote-ref-1)
2. Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng mẫu này để tổng hợp, báo cáo kết quả gửi Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. [↑](#footnote-ref-2)
3. Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng mẫu này để tổng hợp, báo cáo kết quả gửi Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. [↑](#footnote-ref-3)
4. Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng mẫu này để tổng hợp, báo cáo kết quả gửi Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. [↑](#footnote-ref-4)
5. Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng mẫu này để tổng hợp, báo cáo kết quả gửi Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. [↑](#footnote-ref-5)